

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST  
Ngày 15-7-2022  
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ma Quốc Thể.

2. Ông Phạm Văn Vượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C – Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Duy H – Sinh năm: 1981.

- Bà Ma Thị L – Sinh năm: 1981.

Ông H và bà L cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Ông H, bà L có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ngày 31/01/2021, ông Nguyễn Văn C cho ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Khi cho vay tiền, các bên có lập Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021 do bà Ma Thị L viết; ông Nguyễn Duy H ký, ghi rõ họ tên vào mục “**CHỒNG – NGƯỜI VAY TIỀN**”

**(Ký, ghi rõ họ tên)**”, bà Ma Thị L ký, ghi rõ họ tên vào mục “**VỢ – NGƯỜI VAY TIỀN (Ký, ghi rõ họ tên)**”. Các bên thỏa thuận với nhau thời hạn thanh toán là ngày 31/3/2021 và không thỏa thuận tính lãi suất. Ông cho ông H và bà L vay tiền để sử dụng vào mục đích kinh doanh cá nhân. Đến ngày 31/3/2021, ông H và bà L không thanh toán số tiền đã vay cho ông theo như đã thỏa thuận. Từ khi ông H, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, ông C có 02 lần đến gặp và yêu cầu ông H, bà L thanh toán số tiền vay nhưng ông H, bà L không trả tiền và khất nợ với lý do đang gặp khó khăn trong kinh tế, khi nào có sẽ trả cho ông. Từ khi ông cho ông H, bà L vay tiền đến nay, ông H và bà L chưa thanh toán cho ông được số tiền nào. Ông C xác định ông H, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay từ ngày 01/4/2021. Do ông H, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn C số tiền gốc đã vay là 30.000.000đ và số tiền lãi phát sinh kể từ tháng 02/2021 theo lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ.

*Theo Biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Duy H trình bày:*

Ngày 31/01/2021, ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L có vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Khi vay tiền, các bên có lập Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021 do bà Ma Thị L viết; ông ký, ghi rõ họ tên vào mục “**CHỒNG – NGƯỜI VAY TIỀN (Ký, ghi rõ họ tên)**”, bà Ma Thị L ký, ghi rõ họ tên vào mục “**VỢ – NGƯỜI VAY TIỀN (Ký, ghi rõ họ tên)**”. Các bên không thỏa thuận thời gian thanh toán và thỏa thuận tính lãi suất là 2.700.000đ/tháng. Ông và bà L vay tiền của ông C để sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Từ khi ông C cho ông H, bà L vay tiền, ông H và bà L đã 05 lần trả tiền lãi hàng tháng cho ông C với tổng số tiền là 13.500.000đ (trả vào tháng 02, 3, 4, 5, 6/2021; mỗi tháng 2.700.000đ). Toàn bộ số tiền 13.500.000đ là tiền lãi nên số tiền gốc ông và bà L còn nợ ông C là 30.000.000đ. Đến tháng 7/2021, ông và bà L không thanh toán được tiền lãi cho ông C nên đã gọi điện thoại cho ông C để xin khất nợ. Từ tháng 7/2021 đến nay, ông và bà L không thanh toán thêm được số tiền nào cho ông C. Ông H xác định ông H, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay từ ngày 01/7/2021. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, ông có quan điểm nhất trí sẽ cùng bà L thanh toán số tiền gốc vay của ông C là 30.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Tòa án xem xét dấu hiệu của việc ông C cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

*Theo Biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Ma Thị L trình bày:*

Ngày 31/01/2021, bà Ma Thị L và ông Nguyễn Duy H có vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Khi vay tiền, các bên có lập Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021 do bà Ma Thị L viết; ông Nguyễn Duy H ký, ghi rõ họ tên vào mục “**CHỒNG – NGƯỜI VAY TIỀN (Ký, ghi rõ họ tên)**”, bà Ma Thị L ký, ghi rõ họ tên vào mục “**VỢ – NGƯỜI VAY TIỀN (Ký, ghi rõ họ tên)**”. Các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 31/3/2021 và không thỏa thuận tính lãi suất. Sau khi vay tiền, bà đưa hết số

tiền 30.000.000đ cho ông H và không biết ông H sử dụng vào mục đích gì. Đến ngày 31/3/2021, bà và ông H không thanh toán số tiền đã vay cho ông C theo như đã thỏa thuận. Từ khi ông C cho ông H, bà vay tiền đến nay, bà và ông H chưa thanh toán cho ông C được số tiền nào. Bà L xác định bà và ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay từ ngày 31/3/2021. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L có quan điểm: Do bà không được sử dụng số tiền vay của ông C nên không nhất trí trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông C và đề nghị ông H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc vay của ông C là 30.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành mở phiên hòa giải được vì ông Nguyễn Duy H, bà Ma Thị L vắng mặt (ông H, bà L đã được triệu tập hợp lệ). Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với ông H, bà L nhiều lần và tiến hành xác minh tại địa phương. Qua xác minh cho thấy, ông H và bà L đi làm ăn xa, thường xuyên không có mặt tại địa phương, khi nào gia đình có việc thì mới trở về nhà, sau đó lại đi ngay. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

#### **Tại phiên tòa:**

Bị đơn ông Nguyễn Duy H thay đổi một phần quan điểm đã trình bày tại Tòa án trong quá trình giải quyết như sau: Do thời gian trước đây (trước ngày 31/01/2021, ông H không nhớ chính xác ngày), ông H và bà L có vay của ông C số tiền 10.000.000đ. Do không trả được tiền lãi nên ông C đã cộng dồn lãi phát sinh vào số tiền gốc 10.000.000đ thành số tiền hơn 14.000.000đ (ông H không xác định được số tiền cụ thể). Ngày 31/01/2021, ông H và bà L chỉ được vay số tiền hơn 15.000.000đ (ông H không xác định được số tiền cụ thể) và cộng với số tiền nợ hơn 14.000.000đ (còn nợ trước đây) nên ông H, bà L đã viết Giấy biên nhận vay tiền với số tiền nợ là 30.000.000đ. Ông H xác định số tiền, ông và bà L được vay và thực tế nhận của ông C là hơn 25.000.000đ (ông H không xác định được số tiền cụ thể). Do vậy, ông H chỉ nhất trí cùng bà L thanh toán cho ông C số tiền vay thực tế là 25.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Ma Thị L thay đổi một phần quan điểm đã trình bày tại Tòa án trong quá trình giải quyết như sau: Do thời gian trước đây (trước ngày 31/01/2021, bà L không nhớ chính xác ngày), bà và ông H có vay của ông C số tiền 10.000.000đ. Do không trả được tiền lãi nên ông C đã cộng dồn lãi phát sinh vào số tiền gốc 10.000.000đ thành số tiền hơn 14.000.000đ (bà L không xác định được số tiền cụ thể). Ngày 31/01/2021, bà và ông H chỉ được vay số tiền hơn 15.000.000đ (bà L không xác định được số tiền cụ thể) và cộng với số tiền nợ hơn 14.000.000đ (còn nợ trước đây) nên bà và ông H đã viết Giấy biên nhận vay tiền với số tiền nợ là 30.000.000đ. Bà L xác định số tiền, bà và ông H được vay và thực tế nhận của ông C là hơn 25.000.000đ (bà L không xác định được số tiền cụ thể). Khi vay tiền, các bên thỏa thuận tính lãi suất là 2.700.000đ/tháng. Từ khi ông C cho bà và ông H vay tiền, bà đã đi làm thuê và nhiều lần gửi tiền về cho ông H trả tiền lãi cho ông C. Tuy nhiên, bà không xác định được số tiền ông H đã trả lãi cho ông C. Bà L xác định thời điểm bà và ông H vi phạm nghĩa

vụ thanh toán số tiền vay của ông C là tháng 7/2021. Do bà không được sử dụng số tiền vay của ông C nên không nhất trí trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông C và đề nghị ông H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc vay của ông C là 30.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” của ông Nguyễn Văn C đối với ông Nguyễn Duy H, bà Ma Thị L.

2. Về quan hệ tranh chấp: Xử buộc ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L phải có nghĩa vụ liên đới (mỗi bên có trách nhiệm  $\frac{1}{2}$ ) thanh toán cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử (tháng 7/2022) theo lãi suất là 0,83%. Ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phần đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.**

- Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C cho ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L vay số tiền 30.000.000đ theo Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021. Đến thời hạn thanh toán tiền theo thỏa thuận, ông H và bà L không thanh toán số tiền vay cho ông C. Ông C khởi kiện yêu cầu ông H và bà L thanh toán số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về dân sự quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L cùng ĐKKHTT và cư trú tại xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về quan hệ tranh chấp.**

##### **[2.1] Tính hợp pháp của Giấy biên nhận vay tiền.**

Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021 thể hiện: Bà Ma Thị L và ông Nguyễn Duy H vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 30.000.000đ. Các bên không thỏa thuận tính lãi suất. Ông C, ông H và bà L thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 31/01/2021 đến ngày 31/3/2021, ông H và bà L sẽ thanh toán toàn bộ số tiền đã vay cho ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021 được ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L ký kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự và đã được các bên thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021 hợp pháp, có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.

## **[2.2] Yêu cầu của nguyên đơn đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.**

### **[2.2.1] Về số tiền gốc.**

Sau khi ký kết Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L đã thực hiện việc giao tiền cho nhau theo thỏa thuận. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận, ông H và bà L không thực hiện trả tiền cho ông C. Mặc dù, ông C đã đến tìm, thông báo, đôn đốc, yêu cầu ông H và bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nhưng ông H, bà L không trả nợ cho ông C với lý do hiện tại kinh tế gia đình đang khó khăn, chưa có khả năng thanh toán; ngoài ra, bà L không nhất trí trả nợ cho ông C với lý do toàn bộ số tiền vay của ông C, bà đã đưa hết cho ông H và bà không được sử dụng. Ông Nguyễn Văn C đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L phải thanh toán số tiền gốc là 30.000.000đ và số tiền lãi phát sinh cho ông C là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận: Bà L và ông H có thỏa thuận thống nhất với nhau là sẽ vay tiền của ông C. Khi vay tiền, bà L là người trực tiếp viết Giấy biên nhận vay tiền và ký tên. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận quan điểm không nhất trí trả nợ của bà Ma Thị L.

Tại phiên tòa, ông H và bà L trình bày số tiền thực vay ngày 31/01/2021 là hơn 15.000.000đ và cộng thêm số tiền gốc đã vay trước đó là 10.000.000đ. Tổng số tiền ông H, bà L vay thực tế là hơn 25.000.000đ, còn lại là tiền lãi. Tuy nhiên, ông H, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho nội dung mình trình bày. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận quan điểm của ông H, bà L về số tiền gốc vay của ông C là hơn 25.000.000đ.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ông Nguyễn Duy H – Sinh năm: 1981 và bà Ma Thị L – Sinh năm: 1981; Ông H và bà L cùng địa chỉ: Thôn M, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang có vay của ông Nguyễn Văn C – Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

### **[2.2.2] Về lãi suất.**

Theo Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/01/2021 thể hiện các bên không thỏa thuận lãi suất khoản tiền vay. Thời hạn thanh toán là ngày

31/3/2021. Đến ngày 31/3/2021, ông H và bà L không thanh toán số tiền vay cho ông C theo như đã thỏa thuận. Ông C xác định thời điểm ông H, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán là hết ngày 31/3/2021 (ngày 01/4/2021); ông H, bà L cho rằng thời điểm ông H và bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán là tháng 7/2021 nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Do vậy, xác định thời điểm ông H và bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay của ông C là từ ngày 01/4/2021. Tính đến thời điểm khởi kiện, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L có quan điểm giải quyết về lãi suất theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi các bên cho nhau vay tiền không thỏa thuận tính lãi suất và thời hạn khởi kiện của vụ án vẫn còn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Do vậy, cần chấp nhận tính lãi suất khoản tiền ông H, bà L đã vay của ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 468 với mức lãi suất là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng) là có căn cứ và phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn. Số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến thời điểm xét xử (tháng 7/2022) là: 15 tháng x 30.000.000đ x 0,83%/tháng = 3.735.000đ (ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L trình bày: Khi vay tiền, các bên thỏa thuận tính lãi suất là 2.700.000đ/tháng. Từ khi ông C cho ông H, bà L vay tiền, ông H và bà L đã 05 lần trả tiền lãi hàng tháng cho ông C với tổng số tiền là 13.500.000đ (trả vào tháng 02, 3, 4, 5, 6/2021; mỗi tháng 2.700.000đ). Khi trả lãi, ông H, bà L và ông C không lập giấy tờ biên nhận. Ông H và bà L không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã thanh toán số tiền lãi cho ông C; ngoài ra, bà L cũng thừa nhận: Bà không biết rõ số tiền ông H đã thanh toán cho ông C là bao nhiêu tiền. Nên không có cơ sở, căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại là 33.735.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C buộc ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử (tháng 7/2022) cho ông Nguyễn Văn C là 33.735.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) là hoàn toàn hợp lý, có cơ sở theo các quy định tại Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Đối với ý kiến của ông Nguyễn Duy H: Đề nghị Tòa án xem xét dấu hiệu của việc ông C cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tòa án xét thấy, từ những phân tích về phần lãi suất nêu ở trên và đồng thời, ông Nguyễn Duy H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông Nguyễn Văn C cho vay lãi

nặng trong giao dịch dân sự. Do đó, Tòa án không có căn cứ để xem xét kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết trong vụ án này.

### **[3] Về án phí.**

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được chấp nhận, do vậy:

- Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001741 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.686.750đ (Một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Duy H, bà Ma Thị L được quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” của ông Nguyễn Văn C đối với ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L.

**2.** Về quan hệ tranh chấp: Buộc ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn C số tiền **33.735.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng)** (Trong đó: Số tiền gốc là **30.000.000đ**; Số tiền lãi phát sinh là **3.735.000đ**). Cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền nợ gốc theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 31/01/2021: Ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L có trách nhiệm thanh toán **30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)**. Chia ra: Ông Nguyễn Duy H phải trả số tiền là **15.000.000đ**

(**Mười lăm triệu đồng**), bà Ma Thị L phải trả số tiền là là **15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)**.

+ Đối với số tiền lãi phát sinh: Ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L có trách nhiệm thanh toán **3.735.000đ (Ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng)**. Chia ra: Ông Nguyễn Duy H phải trả số tiền là **1.867.500đ (Một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng)**, bà Ma Thị L phải trả số tiền là **1.867.500đ (Một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng)**.

Người nhận tiền: Ông Nguyễn Văn C – Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

### 3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là **750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)** theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001741 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Duy H và bà Ma Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **1.686.750đ (Một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**. Chia ra, ông Nguyễn Duy H phải chịu **843.375đ (Tám trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng)**, bà Ma Thị L phải chịu **843.375đ (Tám trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng)**.

### 4. Quyền kháng cáo:

- Ông Nguyễn Duy H, bà Ma Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/7/2022).

- Ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Cường**